

85

A Cường, N & Hết 20/5

AL5 10/5

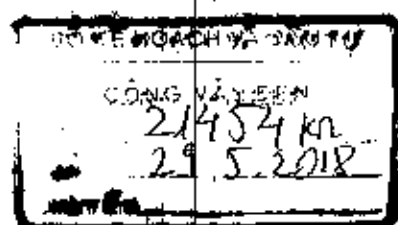
PTDN

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ
VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 957 /ĐTKĐV-TCKT
V/v công khai thông tin tài chính

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2018



Kính gửi: - Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước và Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã thực hiện công khai thông tin báo cáo tài chính năm 2017 trên trang thông tin điện tử của SCIC tại địa chỉ www.scic.vn.

SCIC gửi kèm theo báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017.

Trân trọng./.

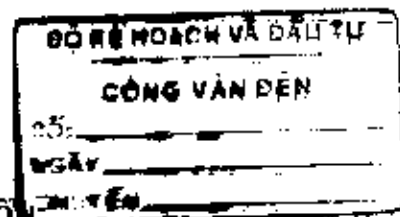
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Phó TGD phụ trách (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Quốc Huy



**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỚI
NHÀ NƯỚC**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	13 - 35

017
C
TRACI
DI
VI
20 NG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Chi	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Bà Đinh Thị Bích Diệp	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Hoàng Nguyên Học	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính và việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số: ~~000~~ /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 từ trang 5 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-8TC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELDITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 4 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.450.817	38.348.880
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	473.486	383.132
1. Tiền	111		27.486	29.132
2. Các khoản tương đương tiền	112		446.000	354.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	43.046.186	35.826.060
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		43.601.659	36.197.350
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(555.473)	(371.290)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.905.641	2.047.582
1. Phải thu khách hàng	131		98	71
2. Trả trước cho người bán	132		51.875	1.080
3. Phải thu hoạt động đầu tư tài chính	134	7	1.762.584	412.465
4. Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	135	19	2.083.787	1.630.363
5. Các khoản phải thu khác	136	8	35.190	32.327
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(27.893)	(28.724)
IV. Hàng tồn kho	140		630	564
1. Hàng tồn kho	141		630	564
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.874	91.542
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		226	724
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	16	22.533	89.041
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.115	1.777

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
8. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.625.374	27.643.809
I. Tài sản cố định	220		174.890	175.009
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	24.348	25.220
- Nguyên giá	222		55.859	52.544
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.511)	(27.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	150.220	148.041
- Nguyên giá	228		151.790	149.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.570)	(964)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		322	1.748
II. Bất động sản đầu tư	240	11	31.808	32.514
- Nguyên giá	241		37.547	36.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.739)	(4.088)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	13.318.028	27.334.499
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.014.478	1.085.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		4.220.675	5.712.631
3. Đầu tư dài hạn khác	258		8.090.093	20.658.210
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.218)	(121.806)
IV. Tài sản dài hạn khác	270		100.648	101.787
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	15	99.513	100.652
2. Tài sản dài hạn khác	278		1.135	1.135
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (290=100+200)	290		61.076.191	65.992.689

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.530.625	27.936.288
I. Nợ ngắn hạn	310		2.321.959	571.082
1. Vay ngắn hạn	311		-	380
2. Phải trả người bán	312		8.989	11.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	685.062	435.077
4. Phải trả người lao động	315		60.443	46.281
5. Chi phí phải trả	316		2.195	2.161
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.479.676	9.875
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		85.276	65.508
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	338		318	286
II. Nợ dài hạn	330		152.733	105.817
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.802	1.773
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	18	150.931	104.044
III. Các quỹ phải trả	340		19.055.933	27.259.389
1. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	341	19	19.055.933	27.259.389
8. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.545.566	38.056.401
I. Vốn chủ sở hữu	410		39.545.566	38.056.401
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	21.905.833	21.885.913
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.451.111	15.578.342
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		159.166	37.918
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	422		29.456	554.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		61.076.191	65.992.689

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	750.815	771.895
- EUR	18.083	24.558
- GBP	6.747	6.747
- JPY	26.000	187.000
- HKD	14.500	67.500
- SGD	672	9.076

Phào

Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Vũ Trí Thúc

Vũ Trí Thúc
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán



Nguyễn Quốc Huy
Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

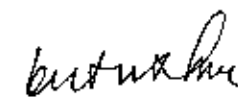
Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	10	21	7.401.193	10.530.573
2. Chi phí hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	11	22	554.233	2.383.035
3. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		6.846.960	8.147.538
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		38	57.379
5. Chi phí tài chính	22		109	150
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23	242.974	263.399
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn (30=20+21-22-25)	30		6.603.915	7.941.368
8. Thu nhập khác	31		5.583	4.421
9. Chi phí khác	32		6.003	3.462
10. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(420)	959
11. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45		161.494	155.287
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		6.764.989	8.097.614
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	316.525	671.322
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.448.464	7.426.292



Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018



Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán

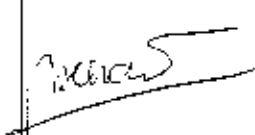


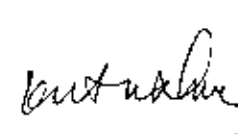

Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

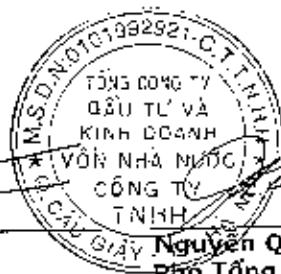
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán, thoái các khoản đầu tư tài chính	01		2.372.208	5.582.626
2. Tiền chi trả cho các khoản đầu tư tài chính	02		(2.757.142)	(5.235.868)
3. Thu tiền lãi, lợi nhuận, cổ tức từ đầu tư	03		5.099.248	5.715.756
4. Tiền chi trả cho người lao động	05		(122.059)	(119.007)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	06		(250.949)	(942.442)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	07		2.035.156	1.286.934
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	08		(2.231.911)	(1.132.678)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.144.551	5.155.321
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác (trừ các khoản đầu tư)	21		(3.752)	(2.287)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác (trừ các khoản đầu tư)	22		210	38
3. Tiền thu đầu tư khác	24		105.051	-
4. Tiền chi đầu tư khác	25		(1.853)	(127.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		99.656	(129.483)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		89.064	50.380
2. Tiền chi trả nợ vay	34		(89.444)	(50.000)
3. Tiền thu thuần từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	38		1	(2.677)
4. Lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước	39		(4.153.474)	(4.996.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.153.853)	(4.998.821)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		90.354	27.017
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		383.132	356.115
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	473.486	383.132


Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán




Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	21.108.464	13.372.933	384.052	(83.600)	34.781.849
Tăng vốn trong năm	873.354	-	-	-	873.354
Giảm vốn trong năm	(95.905)	-	-	-	(95.905)
Tăng quỹ trong năm	-	-	170.176	-	170.176
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.426.292	7.426.292
Phân phối lợi nhuận	-	2.205.409	-	(2.259.721)	(54.312)
Nộp ngân sách nhà nước (II)	-	-	-	(5.045.053)	(5.045.053)
Số dư tại ngày 01/01/2017	21.885.913	15.578.342	554.228	37.918	38.056.401
Tăng vốn trong năm	1.021.124	-	-	-	1.021.124
Giảm vốn trong năm	(1.001.204)	-	-	-	(1.001.204)
Tăng quỹ trong năm	-	-	33.068	-	33.068
Giảm quỹ trong năm	-	-	(557.840)	-	(557.840)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.448.464	6.448.464
Phân phối lợi nhuận (I)	-	1.872.769	-	(1.923.246)	(50.477)
Nộp ngân sách nhà nước (II)	-	-	-	(4.403.970)	(4.403.970)
Số dư tại ngày 31/12/2017	21.905.833	17.451.111	29.456	159.166	39.545.566

Đơn vị: triệu VND

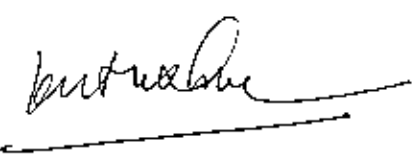
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

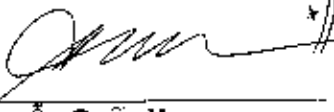
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (i) Tạm phân phối lợi nhuận và trích các quỹ theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 151/2013/NĐ-CP và Quyết định số 3369/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.
- (ii) Nộp ngân sách nhà nước năm 2017 theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015, Thông tư số 219/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2015 về "Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp" và Thông tư số 61/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2016 về "Hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp".


Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu


Vũ Trí Thúc
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán


Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty") là doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, được Nhà nước đầu tư vốn điều lệ và giao quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển giao.

Ngày 30 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 992/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng công ty thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 151").

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 147").

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 148"). Nghị định 148 thay thế Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

Số cán bộ và nhân viên của Tổng công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 272 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 270 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng công ty có công ty con và các công ty liên kết (thực hiện đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty) như sau:

Tên công ty		Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con					
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC		Hà Nội	100	100	Đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long		TP. Hồ Chí Minh	49,77	49,77	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam		Hà Nội	47,63	47,63	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng - Việt Lào		Hà Tĩnh	22,03	22,03	Vận hành và khai thác cảng biển
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC - Bảo Việt		Hà Nội	50,00	50,00	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Tháp Truyền hình Việt Nam		Hà Nội	33,00	33,00	Truyền hình, truyền thanh, quảng cáo
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đầu tư Việt Nam		Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas		Hà Nội	29,00	29,00	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2010, và các đăng ký thay đổi, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- *Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;*
- *Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;*
- *Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành.*

b) Ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:

- *Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của Pháp luật;*
- *Cung cấp các dịch vụ tư vấn: Đầu tư, tài chính; chuyển đổi, quản trị, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;*
- *Các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.*

Các hoạt động chính của Tổng công ty trong năm là tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, đầu tư kinh doanh vốn, quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ("Quỹ")

Ngày 10 tháng 5 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg quy định việc chuyển Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và giao cho Tổng công ty tổ chức giữ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thực hiện thu, chi theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Nguồn thu của Quỹ gồm:

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;
- Các khoản thu sau cổ phần hóa;
- Thu từ lợi nhuận sau thuế và khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt; điều hòa Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Khoản lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung chi của Quỹ gồm:

- Hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ kinh phí cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật;
- Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật;
- Đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và cơ quan được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước;
- Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2017, Công văn số 13135/VPCP-KHTH ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11718/BTC-TCON ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Tổng công ty sẽ bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 45") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp nhưng chưa áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư 200 yêu cầu các Tổng công ty, Công ty có chế độ kế toán đặc thù đã được Bộ Tài chính ban hành Thông tư riêng hoặc chấp thuận phải căn cứ vào Thông tư này để hướng dẫn, bổ sung phù hợp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tổng công ty tiếp tục áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ vào chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 278/BTC-CKKT ngày 07 tháng 01 năm 2016 về chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 45") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng công ty kiểm soát (các công ty con) nhưng không bao gồm các công ty tiếp nhận chuyển giao được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được thành lập mới trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày thành lập công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng công ty và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Tổng công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của các công ty con được tiếp nhận chuyển giao theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ và Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ. Khoản đầu tư vào các công ty con nhận bàn giao được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (nếu có).

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đối với các công ty liên kết đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty:

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết (đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty) được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản được chia từ công ty liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn đại nặc mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với các công ty liên kết được Tổng công ty nhận chuyển giao:

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết do Tổng công ty tiếp nhận chuyển giao được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (nếu có) như trình bày tại chính sách kế toán của khoản mục "Các khoản đầu tư tài chính".

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là từ 01 đến 04 năm.

Lợi thế thương mại được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con/liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Phân loại các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính sẽ được phân loại là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nếu thời hạn nắm giữ còn lại của khoản đầu tư đến 1 năm, là các khoản đầu tư tài chính dài hạn nếu thời hạn nắm giữ còn lại của khoản đầu tư từ 1 năm trở lên.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và các khoản đầu tư vào các công ty niêm yết hoặc chưa niêm yết và nằm trong kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty trong tương lai gần.

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Quỹ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản mục đầu tư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận trực tiếp vào Quỹ.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng công ty không có quyền kiểm soát cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu và góp vốn vào các công ty mà Tổng công ty không có quyền kiểm soát cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó. Cổ tức từ các khoản đầu tư hình thành từ Quỹ được ghi nhận tăng Quỹ khi Tổng công ty có quyền nhận cổ tức.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào các công ty thông qua hình thức mua cổ phần hoặc góp vốn được xác định theo giá gốc bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty thông qua hình thức nhận bàn giao theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền được ghi nhận ban đầu theo giá trị được nêu trong Biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp về Tổng công ty. Đối với các khoản đầu tư nhận bàn giao, sau ghi nhận ban đầu, nếu có thay đổi về giá trị đầu tư chuyển giao được xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh thay đổi tương ứng.

Dùng ghi nhận

Tổng công ty dùng ghi nhận các khoản đầu tư khi đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích từ các khoản đầu tư đó. Đối với các khoản đầu tư Tổng công ty đã nhận bàn giao sau đó được bàn giao lại cho các đơn vị khác theo quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng công ty ghi nhận giảm trừ giá trị đầu tư tương ứng với giảm vốn theo giá gốc được ghi trên sổ sách kế toán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư góp vốn được trích lập theo quy định tại Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn "Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" ("Thông tư 228"); Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Quyết định số 3369/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 3369").

Đối với các khoản đầu tư vào công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (bao gồm đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn) và các công ty đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, mức trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư được tính theo quy định hướng dẫn về trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào các công ty khác mức trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư căn cứ theo chỉ tiêu vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty tại thời điểm trích lập dự phòng. Trong trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng Tổng công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp, Tổng công ty sẽ sử dụng báo cáo tài chính thu thập được tại thời điểm gần nhất liên kế với thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư sẽ được hoàn nhập ghi giảm chi phí khi số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dự phòng đã trích.

Tổng công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính có nguồn hình thành từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định số 3369.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi từ hoạt động của Tổng công ty được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được uôn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị quản lý	3
Phương tiện vận tải	5 - 6
Tài sản cố định khác	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tòa nhà văn phòng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 27 - 35 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ("Quỹ") thể hiện nguồn hiện có của Quỹ mà Tổng công ty quản lý theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 ("Quyết định 113") và Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định 113. Nguồn của Quỹ hình thành từ các khoản thu về Quỹ trừ đi các khoản chi giảm quỹ theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nguồn của Quỹ được thể hiện dưới dạng tài sản bao gồm tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản công nợ phải thu và các khoản đầu tư dài hạn.

Các khoản phải thu của Quỹ

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm:

- Số tiền chưa thu được từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Các khoản phải thu này được ghi nhận theo giá trị được nêu trong biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu của nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp cho Tổng công ty và các khoản phải thu của Quỹ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông báo cho Tổng công ty về khoản phải thu này;
- Lợi nhuận hoặc cổ tức trước thời điểm bàn giao vốn cho Tổng công ty quản lý, được chia trên phần vốn nhà nước nhưng chưa nhận được;
- Lãi dự thu từ các khoản đầu tư vào tiền gửi hoặc các công cụ nợ khác;
- Các khoản tiền chưa thu được khác.

Tổng công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định 3369.

Theo quy định hiện hành, các khoản phải nộp về Quỹ sẽ bị tính lãi chậm nộp nếu quá hạn thanh toán. Tổng công ty tạm tính và thông báo lãi chậm nộp Quỹ cho các doanh nghiệp, Tổng công ty ghi nhận khoản lãi chậm nộp khi có đối chiếu xác nhận và chấp nhận thanh toán của doanh nghiệp về khoản lãi chậm nộp. Ban Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng chính sách này là phù hợp với nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, Bộ Tài chính có Công văn số 16521/BTC-TCDN về việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ - công ty con ("công ty mẹ"). Tại Công văn số 16521/BTC-TCDN, Bộ Tài chính yêu cầu các Công ty mẹ nộp số dư bằng tiền của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các Công ty mẹ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do Bộ Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước trong năm 2017.

Tổng công ty đã tiến hành tạm nộp số dư bằng tiền của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng công ty về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do Bộ Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước trong năm 2017. Trong năm 2017, số liệu thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Tổng công ty không bao gồm số liệu thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Bộ Tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ dùng để thực hiện các nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty, được trích hàng năm với tỷ lệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm và được ghi nhận vào chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) và cổ phiếu thưởng (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), Tổng công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu nhận được trên sổ sách mà không ghi tăng khoản đầu tư và doanh thu từ hoạt động đồng đầu tư và kinh doanh vốn.

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó đã được chuyển giao cho người mua theo quy định của Quyết định 3369.

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư nhận bàn giao được xác định theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Nghị định 147/2017/NĐ-CP là số tiền thu được từ bán các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, kể cả tiền đặt cọc không phải trả lại cho nhà đầu tư. Giá trị vốn gốc tiếp nhận của các khoản đầu tư được ghi nhận là chi phí từ bán các khoản đầu tư.

Doanh thu từ lãi tiền gửi

Doanh thu từ lãi tiền gửi phản ánh các khoản lãi phát sinh từ hoạt động đầu tư tiền gửi từ nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được hình thành từ nguồn sau:

- (i) Vốn Nhà nước cấp trực tiếp bằng tiền hoặc tài sản;
- (ii) Vốn tiếp nhận theo giá trị sổ kế toán từ các doanh nghiệp nhận chuyển giao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định 147/2017/NĐ-CP;
- (iii) Vốn bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật;
- (iv) Các nguồn tài trợ không hoàn lại;
- (v) Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Tổng công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quyết định của Hội đồng Thành viên và theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, và Quyết định 3369:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Tổng công ty;
- Trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên Tổng công ty;
- Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;
- Trích lập quỹ thưởng thành tích bán vốn bằng 10% chênh lệch giữa tổng tiền thu bán vốn tiếp nhận trong năm với giá được xác định lại theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, chi phí bán và thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 3 tháng rường thực hiện;
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của Tổng công ty (đầu tư phát triển; khen thưởng, phúc lợi; thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; thưởng thành tích bán vốn) nộp về ngân sách nhà nước.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tổng công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tiền mặt	3.855	5.559
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.631	23.573
Các khoản tương đương tiền	446.000	354.000
	473.486	383.132

Chi tiết tiền và các khoản tương đương tiền theo nguồn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tổng công ty	456.255	365.861
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (xem Thuyết minh số 19)	17.231	17.271
	473.486	383.132

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGÂN HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn theo nguồn hình thành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tổng công ty (i)	26.646.744	22.959.688
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	16.954.915	13.237.662
	43.601.659	36.197.350
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính		
Tổng công ty (i)	(555.473)	(371.290)
	43.046.186	35.826.060

(i) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng công ty theo loại hình đầu tư như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tiền gửi ngân hàng	18.980.339	16.586.113
Đầu tư cổ phiếu:		
- Cổ phiếu niêm yết	3.545.536	3.897.758
- Cổ phiếu chưa niêm yết	3.991.839	2.433.384
Vốn góp tại các công ty TNHH	-	42.433
Khác	129.030	-
	26.646.744	22.959.688
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(555.473)	(371.290)
	26.091.271	22.588.398

- (ii) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo loại hình đầu tư như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Tiền gửi ngân hàng	4.580.702	13.237.510
Cổ phiếu niêm yết	1.483.182	-
Trái phiếu	4.580.027	-
Khác	6.311.004	152
	16.954.915	13.237.662

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	320.780	279.689
Cổ tức phải thu	1.441.683	127.009
Phải thu từ hoạt động đầu tư tài chính	121	5.767
	1.762.584	412.465

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty TNHH	29.456	29.456
Các khoản phải thu khác	5.734	2.871
	35.190	32.327

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định khác	Tổng
	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	27.605	11.462	11.719	1.036	722	52.544
Tăng do mua sắm	-	78	2.432	143	84	2.737
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	913	416	1.329
Giảm do thanh lý	-	-	(551)	-	-	(551)
Giảm khác	(162)	-	-	(38)	-	(200)
Số dư cuối năm	27.443	11.540	13.600	2.054	1.222	55.859
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	9.277	9.783	7.850	161	253	27.324
Khấu hao trong năm	1.551	64	1.402	1.523	198	4.738
Giảm do thanh lý	-	-	(551)	-	-	(551)
Số dư cuối năm	10.828	9.847	8.701	1.684	451	31.511
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	18.328	1.679	3.869	875	469	25.220
Tại ngày cuối năm	16.615	1.693	4.899	370	771	24.348

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16.946 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 14.124 triệu VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	triệu VND	triệu VND	triệu VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	147.782	1.223	149.005
Tăng trong năm	3	2.782	2.785
Số dư cuối năm	147.785	4.005	151.790
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	964	964
Khấu hao trong năm	-	606	606
Số dư cuối năm	-	1.570	1.570
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	147.782	259	148.041
Tại ngày cuối năm	147.785	2.435	150.220

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc triệu VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	36.602
Điều chỉnh giảm theo quyết toán	945
Số dư cuối năm	37.547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.088
Khấu hao trong năm	1.651
Số dư cuối năm	5.739
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	32.514
Tại ngày cuối năm	31.808

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (ĐẦU TƯ SẴNG NGUỒN VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư SCIC	Hà Nội	100	100	Đầu tư bất động sản và đầu tư tài chính

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn theo nguồn hình thành như sau:

	Số cuối năm triệu VND	Số đầu năm triệu VND
Tổng công ty (i)	13.325.246	15.082.212
Các khoản đầu tư ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu (*)	700.290	1.511.578
Các khoản đầu tư ghi nhận theo giá gốc (**)	12.624.956	13.570.634
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	-	12.374.093
	13.325.246	27.456.305
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(7.218)	(121.806)
Tổng công ty (i)	(7.218)	(121.806)
	13.318.028	27.334.499

(*) Phản ánh các khoản đầu tư vào công ty liên kết được đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty và được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, xem chi tiết tại Thuyết minh số 14.

(**) Phản ánh các khoản đầu tư dài hạn do Tổng công ty tiếp nhận bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn.

(i) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn của Tổng công ty theo loại hình đầu tư như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Giá trị của các khoản đầu tư bao gồm:		
Vốn góp tại các công ty cổ phần đã niêm yết	5.895.676	5.781.385
Vốn góp tại các công ty cổ phần chưa niêm yết	1.260.999	2.151.371
Trái phiếu	6.050.000	6.050.000
Khác	118.571	1.099.456
	13.325.246	15.082.212
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(7.218)	(121.806)
	13.318.028	14.960.406

(ii) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo loại hình đầu tư như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Giá gốc của các khoản đầu tư bao gồm:		
Cổ phiếu niêm yết	-	1.483.182
Trái phiếu	-	4.580.027
Khác	-	6.310.884
	-	12.374.093

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (ĐẦU TƯ BẰNG NGUỒN VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Đầu tư vào các công ty liên kết	541.124	1.473.906
Phần lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư trừ cổ tức được chia	159.166	37.672
	700.290	1.511.578

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thăng Long	TP. Hồ Chí Minh	49,77	49,77	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Bất động sản Việt Nam	Hà Nội	47,63	47,63	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Cảng Vũng Áng - Việt Lào	Hà Tĩnh	22,03	22,03	Vận hành và khai thác cảng biển
Công ty Cổ phần Đầu tư SCIC - Báo Việt	Hà Nội	50,00	50,00	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Tháp Truyền hình Việt Nam	Hà Nội	33,00	33,00	Truyền hình, truyền thanh, quảng cáo
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Đầu tư Việt Nam	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benouas	Hà Nội	29,00	29,00	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng công ty được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tổng tài sản	10.729.180	16.811.361
Tổng công nợ	9.055.636	12.882.473
Tài sản thuần	1.673.544	3.928.888
Phần tài sản thuần Tổng công ty đầu tư vào công ty liên kết	700.290	1.511.578
	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Doanh thu	884.735	9.364.402
Lợi nhuận thuần	387.159	540.536
Phần lãi trong công ty liên kết (đầu tư bằng nguồn vốn của Tổng công ty)	161.494	155.287

Chi tiết biến động đầu tư vào các công ty liên kết bằng nguồn vốn của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Số dư tại ngày 01/01	1.511.578	2.104.352
Đầu tư tăng trong năm	67.218	67.500
Thoái vốn trong năm	(996.230)	(674.682)
Lợi nhuận trong năm	161.494	155.287
Cổ tức nhận trong năm	(43.770)	(140.879)
Số dư tại ngày 31/12	700.290	1.511.578

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC OÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Trả trước tiền thuê văn phòng	98.802	97.200
Khác	711	3.452
	99.513	100.652

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm				
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số bù trừ	Số cuối năm
I. Phải nộp					
1.1. Thuế phải nộp Nhà nước	3.900	326.512	260.518	66.508	3.386
Thuế giá trị gia tăng	148	74	136	-	86
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.377	316.525	250.949	66.508	1.445
Thuế thu nhập cá nhân	1.375	9.907	9.427	-	1.855
Thuế môn bài	-	6	6	-	-
1.2. Các khoản phải nộp khác	431.177	4.403.970	4.153.471	-	681.676
Các khoản khác (*)	431.177	4.403.970	4.153.471	-	681.676
Tổng cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	435.077	4.730.482	4.413.989	66.508	685.062
II. Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.041	-	-	66.508	22.533
Tổng cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	89.041	-	-	66.508	22.533

(i) Phản ánh số dư phải nộp về ngân sách nhà nước phần lợi nhuận còn lại của năm tài chính theo Quyết định 3369.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Phải trả từ giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	1.471.912	-
Các khoản phải trả khác	7.764	9.875
	1.479.676	9.875

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<u>Năm nay</u> <u>triệu VND</u>
Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ	6.662.856
Lợi nhuận trước thuế chưa trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	6.709.743
Điều chỉnh cho các khoản	(5.146.827)
- Thu nhập không chịu thuế Công ty mẹ	(5.159.942)
- Chi phí không được khấu trừ Công ty mẹ	13.115
Thu nhập tính thuế chưa trích quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ - Công ty mẹ	1.562.916
Tỷ lệ trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3%
Số phải trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm nay	46.887
Số đầu năm	104.044
Sử dụng trong năm	-
Số cuối năm	150.931

Theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về "Hướng dẫn nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp", Tổng công ty thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo tỷ lệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty mẹ trong năm và được ghi nhận vào chi phí trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

19. QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ("QUỸ")

Tài sản của Quỹ bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u> <u>triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>triệu VND</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền (xem Thuyết minh số 5)	17.231	17.271
Đầu tư tài chính ngắn hạn (xem Thuyết minh số 6)	16.954.915	13.237.662
Các khoản phải thu của Quỹ	2.083.787	1.630.363
- Các khoản phải thu khác	1.900.482	1.408.015
- Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay	183.305	222.348
Đầu tư tài chính dài hạn (xem Thuyết minh số 13)	-	12.374.093
	19.055.933	27.259.389

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ được duyệt của Tổng công ty theo quy định tại Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ là 50.000 tỷ VND. Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã góp vào Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 21.905.883 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 21.885.913 triệu VND).

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	5.030.245	4.471.929
Doanh thu từ bán các khoản đầu tư	980.670	4.860.947
Doanh thu lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu tín phiếu	1.373.605	1.186.940
Doanh thu khác	16.673	10.757
	7.401.193	10.530.573

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Giá gốc các khoản đầu tư đã bán	422.563	2.451.884
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	69.594	(137.718)
Chi phí repo Trái phiếu Chính phủ	35.205	-
Chi phí nhân viên	13.348	50.101
Chi phí hoa hồng môi giới	8.276	14.266
Các chi phí khác	5.247	4.502
	554.233	1.383.035

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Chi phí nhân viên quản lý	105.631	68.272
Chi phí công cụ đồ dùng	1.762	2.557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.311	5.318
Thuế, phí, và lệ phí	113	129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.489	57.700
Chi phí khác	69.037	130.821
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	631	(1.398)
	242.974	263.399

24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNON")

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Lợi nhuận trước thuế	6.764.989	8.097.614
Thu nhập không chịu thuế	(5.195.509)	(4.744.501)
Chi phí không được khấu trừ	13.144	3.497
Thu nhập chịu thuế	1.582.624	3.356.610
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	316.525	671.322

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tổng công ty là các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Các công ty con		
Nhận bàn giao và góp vốn vào các công ty con	649.815	265.808
Các công ty liên kết		
Nhận bàn giao và góp vốn vào các công ty liên kết	214.230	562.810
Doanh thu từ thoái vốn công ty liên kết	-	796.917
Các công ty con và công ty liên kết		
Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	4.853.308	4.505.206

Số dư chủ yếu với các bên liên quan là giá trị đầu tư vào các công ty con tiếp nhận chuyển giao và công ty liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Đầu tư vào công ty con tiếp nhận chuyển giao	1.014.478	1.085.464
Đầu tư vào công ty liên kết	4.220.675	5.712.631
Phải thu cổ tức	1.417.380	70.993

26. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2017, Công văn số 13135/VPCP-KHTH ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11718/BTC-TCQN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Tổng công ty sẽ bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng công ty trình bày lại, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Tài sản				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	111.641	89.041	(22.600)
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	435.186	435.077	(109)
Vốn chủ sở hữu				
Quỹ đầu tư phát triển	417	15.600.833	15.578.342	(22.491)

Nguyễn Thị Phương Thảo
Nguyễn Thị Phương Thảo
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Vũ Trí Thức
Vũ Trí Thức
 Trưởng Ban Tài chính
 Kế toán



Nguyễn Quốc Huy
Nguyễn Quốc Huy
 Phó Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN
NHÀ NƯỚC**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11 - 12
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	13 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Đức Chí	Chủ tịch
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Lê Huy Chí	Thành viên
Bà Đinh Thị Bích Diệp	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Hoàng Nguyên Học	Phó Tổng Giám đốc phụ trách (nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 9 năm 2017)
Ông Nguyễn Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hiến	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC
117 phố Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Số: 919/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2018 từ trang 5 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Tổng công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 4 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Ngọc Hải
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2452-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		47.118.001	38.512.598
I. Tiền	110	5	25.060	27.772
1. Tiền	111		25.060	27.772
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	43.125.033	36.334.276
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		43.669.410	36.684.960
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(544.377)	(350.684)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.943.130	2.059.664
1. Phải thu khách hàng	131		98	71
2. Trả trước cho người bán	132		79	1.032
3. Phải thu hoạt động đầu tư tài chính	134	7	1.851.869	424.595
4. Phải thu về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	135	17	2.083.787	1.630.363
5. Các khoản phải thu khác	136	8	35.190	32.327
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(27.893)	(28.724)
IV. Hàng tồn kho	140		630	564
1. Hàng tồn kho	141		630	564
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.148	90.322
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	14	22.533	89.041
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.615	1.281

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		13.787.394	27.398.372
I. Tài sản cố định	220		171.100	173.148
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	20.558	23.359
- Nguyên giá	222		49.538	48.694
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.980)	(25.335)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	150.220	148.041
- Nguyên giá	228		151.790	149.005
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.570)	(964)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		322	1.748
II. Bất động sản đầu tư	240	11	31.808	32.514
- Nguyên giá	241		37.547	36.602
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(5.739)	(4.088)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	13.484.794	27.092.272
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.014.478	2.085.464
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.520.385	4.674.959
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7.950.533	20.453.655
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(602)	(121.806)
IV. Tài sản dài hạn khác	270		99.692	100.438
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	13	99.205	99.951
2. Tài sản dài hạn khác	27B		487	487
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (290=100+200)	290		60.905.395	65.910.970

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

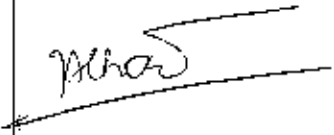
NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		21.518.995	27.927.613
I.	Nợ ngắn hạn	310		2.310.328	562.407
1.	Phải trả người bán	312		7.778	11.182
2.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	683.453	432.592
3.	Phải trả người lao động	315		55.540	43.841
4.	Chi phí phải trả	316		2.195	1.907
5.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	1.479.599	9.808
6.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		81.445	62.791
7.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	338		318	286
II.	Nợ dài hạn	330		152.734	105.817
1.	Phải trả dài hạn khác	333		1.803	1.773
2.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	16	150.931	104.044
III.	Các quỹ phải trả	340		19.055.933	27.259.389
1.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	341	17	19.055.933	27.259.389
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.386.400	37.983.357
I.	Vốn chủ sở hữu	410		39.386.400	37.983.357
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	21.905.833	21.885.913
2.	Quỹ đầu tư phát triển	417		17.451.111	15.543.216
3.	Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	-
4.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		29.456	554.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		440		60.905.395	65.910.970

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

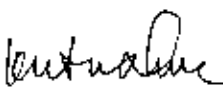
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

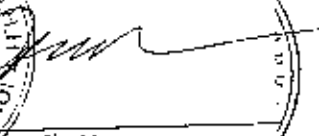
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại	750.815	771.895
- USD	18.083	24.558
- EUR	6.747	6.747
- GBP	26.000	187.000
- JPY	14.500	67.500
- HKD	672	9.076
- SGD		


Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018


Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán




Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

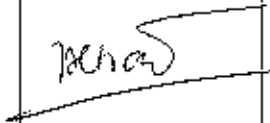
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

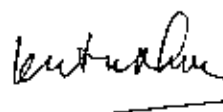
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	10	19	7.437.053	10.620.588
2. Chi phí hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn	11	20	558.432	2.489.609
3. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		6.878.621	8.130.979
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		39	57.379
5. Chi phí tài chính	22		6	33
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	21	215.379	245.545
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động đầu tư và kinh doanh vốn (30=20+21-22-25)	30		6.663.275	7.942.780
8. Thu nhập khác	31		5.583	5.602
9. Chi phí khác	32		6.002	4.643
10. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(419)	959
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.662.856	7.943.739
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	303.206	663.439
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		6.359.650	7.280.300


Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018


Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán




Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán, thoái các khoản đầu tư tài chính	01		2.179.121	5.344.250
2. Tiền chi trả cho các khoản đầu tư tài chính	02		(2.563.997)	(5.153.774)
3. Thu tiền lãi, lợi nhuận, cổ tức từ đầu tư	03		5.068.226	5.695.520
4. Tiền chi trả cho người lao động	05		(112.800)	(111.005)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	06		(236.698)	(935.915)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	07		2.033.548	1.286.934
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	08		(2.215.257)	(1.123.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.152.143	5.002.729
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác (trừ các khoản đầu tư)	21		(1.595)	(1.849)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác (trừ các khoản đầu tư)	22		210	38
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.385)	(1.811)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ lãi từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	38		1	(2.677)
2. Lợi nhuận nộp ngân sách nhà nước	39		(4.153.471)	(4.996.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.153.470)	(4.999.201)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(2.712)	1.717
Tiền đầu năm	60		27.772	26.055
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	5	25.060	27.772

Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán



Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

TỔNG CÔNG TY ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN NHÀ NƯỚC

Số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 08-SCIC

Ban hành theo Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC
ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: triệu VND

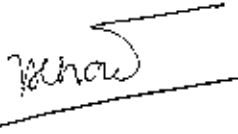
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2016	21.108.464	13.359.126	384.052	-	34.851.642
Tăng vốn trong năm	873.354	-	-	-	873.354
Tăng quỹ trong năm	-	-	170.176	-	170.176
Giảm vốn trong năm	(95.905)	-	-	-	(95.905)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.280.300	7.280.300
Phân phối lợi nhuận	-	2.184.090	-	(2.235.247)	(51.157)
Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	(5.045.053)	(5.045.053)
Số dư tại ngày 01/01/2017	21.885.913	15.543.216	554.228	-	37.983.357
Tăng vốn trong năm	1.021.124	-	-	-	1.021.124
Tăng quỹ trong năm	-	-	33.068	-	33.068
Giảm quỹ trong năm	-	-	(557.840)	-	(557.840)
Giảm vốn trong năm	(1.001.204)	-	-	-	(1.001.204)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.359.650	6.359.650
Phân phối lợi nhuận (i)	-	1.907.895	-	(1.955.680)	(47.785)
Nộp ngân sách nhà nước (ii)	-	-	-	(4.403.970)	(4.403.970)
Số dư tại ngày 31/12/2017	21.905.833	17.451.111	29.456	-	39.386.400

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

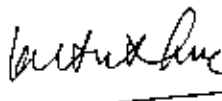
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (i) Tạm phân phối lợi nhuận và trích các quỹ theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước, Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Quyết định số 3369/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về Quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.
- (ii) Nộp ngân sách nhà nước năm 2017 theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015, Thông tư số 219/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2015 về "Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp" và Thông tư số 61/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 11 tháng 4 năm 2016 về "Hướng dẫn thu, nộp và quản lý khoản lợi nhuận, cổ tức được chia cho phần vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp".


Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018


Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán




Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (gọi tắt là "Tổng công ty") là doanh nghiệp do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo Quyết định số 151/2005/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ, được Nhà nước đầu tư vốn điều lệ và giao quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chuyển giao.

Ngày 30 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 992/QĐ-TTg về việc chuyển Tổng công ty thành Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Ngày 01 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2013/NĐ-CP về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 151").

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 147/2017/NĐ-CP về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 147").

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị định số 148/2017/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định 148"). Nghị định 148 thay thế Nghị định số 57/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ.

Số cán bộ và nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 242 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 249 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0101992921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09 tháng 7 năm 2010 và các đăng ký thay đổi, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

a) Ngành nghề kinh doanh chính:

- Đầu tư và quản lý vốn đầu tư theo nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao;
- Tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ;
- Tiếp tục thực hiện sắp xếp, cổ phần hóa, bán vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp được chuyển giao theo quy định hiện hành.

b) Ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính:

- Đầu tư và kinh doanh vốn vào ngành, lĩnh vực, dự án đem lại hiệu quả kinh tế theo quy định của Pháp luật;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn: Đầu tư, tài chính; chuyển đổi, quản trị, mua, bán, sáp nhập doanh nghiệp và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

- Các ngành, nghề khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

Các hoạt động chính của Tổng công ty trong năm là tiếp nhận và thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp, đầu tư kinh doanh vốn, quản lý Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ("Quỹ")

Ngày 10 tháng 5 năm 2012, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để thay thế Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương ban hành kèm theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg quy định việc chuyển Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương thành Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và giao cho Tổng công ty tổ chức giữ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp để thực hiện thu, chi theo quy định của pháp luật và quyết định của cấp có thẩm quyền.

Nguồn thu của Quỹ gồm:

- Nguồn thu từ cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nguồn thu từ các hình thức sắp xếp chuyển đổi khác như giao, bán, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp 100% vốn nhà nước;
- Các khoản thu sau cổ phần hóa;
- Thu từ lợi nhuận sau thuế và khoản chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ của các doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước đã được chủ sở hữu phê duyệt; điều hòa Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Khoản lãi tiền gửi của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại các ngân hàng thương mại;
- Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Nội dung chi của Quỹ gồm:

- Hỗ trợ các nông, lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư và xử lý các vấn đề về tài chính theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ kinh phí cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ trong tổ hợp công ty mẹ - công ty con không đủ nguồn để giải quyết chính sách cho người lao động dôi dư khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi sở hữu các đơn vị thành viên theo quy định của pháp luật;
- Bổ sung vốn điều lệ cho các Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn sở hữu nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật;
- Đầu tư bổ sung vốn để duy trì hoặc tăng tỷ lệ phần vốn nhà nước đang tham gia tại các doanh nghiệp khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Tài chính và cơ quan được giao thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước;
- Đầu tư vào các dự án quan trọng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- Các khoản chi khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2017 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2017, Công văn số 13135/VPCP-KHTH ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11718/BTC-TCVN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Tổng Công ty sẽ ban giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 45") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu VND.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG CÁC QUY ĐỊNH, HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp nhưng chưa áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thông tư 200 yêu cầu các Tổng công ty, Công ty có chế độ kế toán đặc thù đã được Bộ Tài chính ban hành Thông tư riêng hoặc chấp thuận phải căn cứ vào Thông tư này để hướng dẫn, bổ sung phù hợp.

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tổng công ty tiếp tục áp dụng Chế độ kế toán ban hành theo Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước để lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 căn cứ vào chấp thuận của Bộ Tài chính tại Công văn số 278/BTC-CĐKT ngày 07 tháng 01 năm 2016 về chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, Quyết định số 45/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 45") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Phân loại các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư tài chính sẽ được phân loại là các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn nếu thời hạn nắm giữ còn lại của khoản đầu tư đến 1 năm, là các khoản đầu tư tài chính dài hạn nếu thời hạn nắm giữ còn lại của khoản đầu tư từ 1 năm trở lên.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Tổng công ty bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng và các khoản đầu tư vào các công ty niêm yết hoặc chưa niêm yết và nằm trong kế hoạch thoái vốn của Tổng công ty trong tương lai gần.

Các khoản đầu tư ngắn hạn của Quỹ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và đầu tư khác có kỳ hạn còn lại dưới 01 năm được phân ánh theo giá gốc.

Các khoản mục đầu tư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản tại thời điểm đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được ghi nhận trực tiếp vào Quỹ.

Đầu tư vào các công ty con

Các công ty con là các công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác là các khoản đầu tư vào các công ty mà Tổng công ty không có quyền kiểm soát cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào trái phiếu và góp vốn vào các công ty mà Tổng công ty không có quyền kiểm soát cũng như không có ảnh hưởng đáng kể đối với các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó. Cổ tức từ các khoản đầu tư hình thành từ Quỹ được ghi nhận tăng Quỹ khi Tổng công ty có quyền nhận cổ tức.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào các công ty thông qua hình thức mua cổ phần hoặc góp vốn được xác định theo giá gốc bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó.

Các khoản đầu tư vào các công ty thông qua hình thức nhận bàn giao theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền được ghi nhận ban đầu theo giá trị được nêu trong Biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp về Tổng công ty. Đối với các khoản đầu tư nhận bàn giao, sau ghi nhận ban đầu, nếu có thay đổi về giá trị đầu tư chuyển giao được xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh thay đổi tương ứng.

Dừng ghi nhận

Tổng công ty dừng ghi nhận các khoản đầu tư khi đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích từ các khoản đầu tư đó. Đối với các khoản đầu tư Tổng công ty đã nhận bàn giao sau đó được bàn giao lại cho các đơn vị khác theo quyết định của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Tổng công ty ghi nhận giảm trừ giá trị đầu tư tương ứng với giảm vốn theo giá gốc được ghi trên sổ sách kế toán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư góp vốn được trích lập theo quy định tại Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước, Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn "Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp" ("Thông tư 228"); Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Quyết định số 3369/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước ("Quyết định 3369").

Đối với các khoản đầu tư vào công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (bao gồm đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn) và các công ty đăng ký giao dịch trên sàn UpCom, mức trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư được tính theo quy định hướng dẫn về trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư chứng khoán.

Đối với các khoản đầu tư vào các công ty khác mức trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư căn cứ theo chỉ tiêu vốn chủ sở hữu trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng công ty tại thời điểm trích lập dự phòng. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng Tổng công ty chưa nhận được báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp, Tổng công ty sẽ sử dụng báo cáo tài chính thu thập được tại thời điểm gần nhất liên kề với thời điểm trích lập dự phòng.

Dự phòng đối với các khoản đầu tư sẽ được hoàn nhập ghi giảm chi phí khi số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dự phòng đã trích.

Tổng công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư tài chính có nguồn hình thành từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định 3369.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi từ hoạt động của Tổng công ty được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Thiết bị quản lý	3
Phương tiện vận tải	5 - 6
Tài sản cố định khác	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất lâu dài không phải trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là ba (03) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tòa nhà văn phòng do Tổng công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính từ 27 - 35 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp

Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp ("Quỹ") thể hiện nguồn hiện có của Quỹ mà Tổng công ty quản lý theo Quyết định số 113/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 8 năm 2008 ("Quyết định 113") và Quyết định số 21/2012/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ thay thế Quyết định 113. Nguồn của Quỹ hình thành từ các khoản thu về Quỹ trừ đi các khoản chi giảm quỹ theo các quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Nguồn của Quỹ được thể hiện dưới dạng tài sản bao gồm tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn, các khoản công nợ phải thu và các khoản đầu tư dài hạn.

Các khoản phải thu của Quỹ

Các khoản phải thu chủ yếu bao gồm:

- Số tiền chưa thu được từ việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Các khoản phải thu này được ghi nhận theo giá trị được nêu trong biên bản chuyển giao quyền đại diện vốn chủ sở hữu của nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp cho Tổng công ty và các khoản phải thu của Quỹ do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp thông báo cho Tổng công ty về khoản phải thu này;
- Lợi nhuận hoặc cổ tức trước thời điểm bàn giao vốn cho Tổng công ty quản lý, được chia trên phần vốn nhà nước nhưng chưa nhận được;
- Lãi dự thu từ các khoản đầu tư vào tiền gửi hoặc các công cụ nợ khác;
- Các khoản tiền chưa thu được khác.

Tổng công ty không thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo quy định tại Quyết định 3369.

Theo quy định hiện hành, các khoản phải nộp về Quỹ sẽ bị tính lãi chậm nộp nếu quá hạn thanh toán. Tổng công ty tạm tính và thông báo lãi chậm nộp Quỹ cho các doanh nghiệp, Tổng công ty ghi nhận khoản lãi chậm nộp khi có đối chiếu xác nhận và chấp nhận thanh toán của doanh nghiệp về khoản lãi chậm nộp. Ban Giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng chính sách này là phù hợp với nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017, Bộ Tài chính có Công văn số 16521/BTC-TCĐN về việc quản lý, sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, công ty mẹ - công ty con ("công ty mẹ"). Tại Công văn số 16521/BTC-TCĐN, Bộ Tài chính yêu cầu các công ty mẹ nộp số dư bằng tiền của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại các công ty mẹ về Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do Bộ Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước trong năm 2017.

Tổng Công ty đã tiến hành tạm nộp số dư bằng tiền của Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty về tài khoản của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp do Bộ Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước trong năm 2017. Trong năm 2017, số liệu thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Tổng công ty không bao gồm số liệu thu, chi Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại Bộ Tài chính.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ dùng để thực hiện các nhiệm vụ về hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ của Tổng công ty, được trích hàng năm với tỷ lệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm và được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận cổ tức và lợi nhuận theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Đối với cổ phiếu nhận được do công ty cổ phần chia cổ tức (chia cổ tức bằng cổ phiếu) và cổ phiếu thưởng (cổ phiếu nhận được không phải do chia cổ tức), Tổng công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu nhận được trên sổ sách mà không ghi tăng khoản đầu tư và doanh thu từ hoạt động đồng đầu tư và kinh doanh vốn.

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó đã được chuyển giao cho người mua theo quy định của Quyết định 3369.

Doanh thu từ bán các khoản đầu tư nhận bàn giao được xác định theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Nghị định 147/2017/NĐ-CP là số tiền thu được từ bán các khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp, kể cả tiền đặt cọc không phải trả lại cho nhà đầu tư. Giá trị vốn gốc tiếp nhận của các khoản đầu tư được ghi nhận là chi phí từ bán các khoản đầu tư.

Doanh thu từ lãi tiền gửi

Doanh thu từ lãi tiền gửi phản ánh các khoản lãi phát sinh từ hoạt động đầu tư tiền gửi từ nguồn vốn kinh doanh của Tổng công ty và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá mua tại ngày này do ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được hình thành từ nguồn sau:

- (i) Vốn Nhà nước cấp trực tiếp bằng tiền hoặc tài sản;
- (ii) Vốn tiếp nhận theo giá trị sổ kế toán từ các doanh nghiệp nhận chuyển giao theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP và Điều 6 Nghị định 147/2017/NĐ-CP;
- (iii) Vốn bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật;
- (iv) Các nguồn tài trợ không hoàn lại;
- (v) Các nguồn vốn khác có nguồn gốc từ Nhà nước.

Trích lập các quỹ

Tổng công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quyết định của Hội đồng Thành viên và theo quy định tại Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 147/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017, Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015, và Quyết định 3369:

- Trích tối đa 30% vào Quỹ đầu tư phát triển của Tổng công ty
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động của Tổng công ty;
- Trích lập quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên Tổng công ty;
- Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định thì Tổng công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính;

- Trích lập quỹ thưởng thành tích bán vốn bằng 10% chênh lệch giữa tổng tiền thu bán vốn tiếp nhận trong năm với giá được xác định lại theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 151/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ, chi phí bán và thuế thu nhập doanh nghiệp nhưng không quá 3 tháng lương thực hiện;
- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của Tổng công ty (đầu tư phát triển; khen thưởng, phúc lợi; thưởng người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên; thưởng thành tích bán vốn) nộp về ngân sách nhà nước.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Tổng công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không có các khoản chênh lệch trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5.

TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tiền mặt	3.680	4.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.380	23.190
	25.060	27.772

Chi tiết khoản tiền theo nguồn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tổng công ty	7.829	10.501
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (xem Thuyết minh số 17)	17.231	17.271
	25.060	27.772

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn theo nguồn hình thành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tổng công ty (i)	26.170.118	23.096.614
- Giá gốc đầu tư/giá trị nhận bàn giao	26.714.495	23.447.298
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (544.377)	(544.377)	(350.684)
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	16.954.915	13.237.662
- Giá gốc đầu tư	16.954.915	13.237.662
	43.125.033	36.334.276

(i) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn của Tổng công ty theo loại hình đầu tư như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tiền gửi ngân hàng	18.703.339	16.207.113
Đầu tư cổ phiếu:		
- Cổ phiếu niêm yết	3.349.162	3.764.368
- Cổ phiếu chưa niêm yết	4.532.964	3.433.384
Vốn góp tại các công ty TNHH	-	42.433
Khác	129.030	-
	26.714.495	23.447.298
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(544.377)	(350.684)
	26.170.118	23.096.614

(ii) Chi tiết khoản đầu tư ngắn hạn của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo loại hình đầu tư như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tiền gửi ngân hàng	4.580.702	13.237.510
Cổ phiếu niêm yết	1.483.182	-
Trái phiếu	4.580.027	-
Khác	6.311.004	152
	16.954.915	13.237.662

7. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Phải thu tiền lãi đầu tư tài chính	313.667	272.028
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	1.538.202	152.567
	1.851.869	424.595

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Phải thu từ cổ phần hóa các công ty TNHH	29.456	29.456
Các khoản phải thu khác	5.734	2.871
	35.190	32.327

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị quản lý	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định khác	Tổng
	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	25.465	11.548	10.521	438	722	48.694
Tăng do mua sắm	-	78	-	104	84	266
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	913	416	1.329
Giảm do thanh lý	-	-	(551)	-	-	(551)
Giảm khác	(162)	-	-	(38)	-	(200)
Số dư cuối năm	25.303	11.626	9.970	1.417	1.222	49.538
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	8.331	9.505	7.186	60	253	25.335
Khấu hao trong năm	1.393	64	1.205	1.336	198	4.196
Giảm do thanh lý	-	-	(551)	-	-	(551)
Số dư cuối năm	9.724	9.569	7.840	1.396	451	28.980
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	17.134	2.043	3.335	378	469	23.359
Tại ngày cuối năm	15.579	2.057	2.130	21	771	20.558

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16.468 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 14.124 triệu VND).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	triệu VND	triệu VND	triệu VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	147.782	1.223	149.005
Tăng trong năm	3	2.782	2.785
Số dư cuối năm	147.785	4.005	151.790
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	964	964
Khấu hao trong năm	-	606	606
Số dư cuối năm	-	1.570	1.570
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	147.782	259	148.041
Tại ngày cuối năm	147.785	2.435	150.220

11. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa và vật kiến trúc
	triệu VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	36.602
Tăng khác	945
Số dư cuối năm	37.547
GIÁ TRỊ HẠO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.088
Khấu hao trong năm	1.651
Số dư cuối năm	5.739
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	32.514
Tại ngày cuối năm	31.808

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiết khoản đầu tư dài hạn theo nguồn hình thành như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Tổng công ty (i)	13.485.396	14.839.985
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (ii)	-	12.374.093
	13.485.396	27.214.078
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		
Tổng công ty (i)	(602)	(121.806)
	(602)	(121.806)
	13.484.794	27.092.272

(i) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn của Tổng công ty theo loại hình đầu tư như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Giá gốc của các khoản đầu tư bao gồm:		
Vốn góp tại các công ty cổ phần đã niêm yết	5.791.363	5.675.325
Vốn góp tại các công ty cổ phần chưa niêm yết	525.462	2.015.204
Trái phiếu	6.050.000	6.050.000
Khác	1.118.571	1.099.456
	13.485.396	14.839.985
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(602)	(121.806)
	13.484.794	14.718.179

(ii) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn của Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp theo loại hình đầu tư như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Giá gốc của các khoản đầu tư bao gồm:		
Cổ phiếu niêm yết	-	1.483.182
Trái phiếu	-	4.580.027
Khác	-	6.310.884
	-	12.374.093

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC OÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Trả trước tiền thuê văn phòng	98.802	97.200
Khác	403	2.751
	99.205	99.951

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong năm				
	Số đầu năm	Số phải nộp	Số thực nộp	Số bù trừ	Số cuối năm
	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND	triệu VND
t. Phải nộp					
1.1. Thuế phải nộp Nhà nước	1.415	3.12.693	245.823	66.508	1.777
Thuế giá trị gia tăng	148	70	132	-	86
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	303.206	236.698	66.508	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.267	9.414	8.990	-	1.691
Thuế môn bài	-	3	3	-	-
1.2. Các khoản phải nộp khác	431.177	4.403.970	4.153.471	-	681.676
Các khoản khác (i)	431.177	4.403.970	4.153.471	-	681.676
Tổng cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	432.592	4.716.663	4.399.294	66.508	683.453
II. Phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.041	-	-	66.508	22.533
Tổng cộng thuế và các khoản phải thu Nhà nước	69.841	-	-	66.508	22.533

(i) Phản ánh số dư phải nộp về ngân sách nhà nước phần lợi nhuận còn lại của năm tài chính theo Quyết định 3369.

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	triệu VND	triệu VND
Phải trả từ giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	1.471.912	-
Các khoản phải trả khác	7.687	9.808
	1.479.599	9.808

16. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<u>Năm nay</u> <u>triệu VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	6.662.856
Lợi nhuận trước thuế chưa trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	6.709.743
Điều chỉnh cho các khoản	(5.146.827)
- Thu nhập không chịu thuế	(5.159.942)
- Chi phí không được khấu trừ	13.115
Thu nhập tính thuế chưa trích quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ	1.562.916
Tỷ lệ trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ	3%
Số phải trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm nay	46.887
Số đầu năm	104.044
Sử dụng trong năm	-
Số cuối năm	150.931

Theo hướng dẫn tại Thông tư Liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Liên Bộ Khoa học công nghệ và Bộ Tài chính về "Hướng dẫn nội dung chi và quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp", Tổng công ty thực hiện trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo tỷ lệ bằng 3% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm và được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

17. QUỸ HỖ TRỢ SẮP XẾP VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP ("QUỸ")

Tài sản của Quỹ bao gồm:

	<u>Số cuối năm</u> <u>triệu VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>triệu VND</u>
Tiền (xem Thuyết minh số 5)	17.231	17.271
Đầu tư tài chính ngắn hạn (xem Thuyết minh số 6)	16.954.915	13.237.662
Các khoản phải thu của Quỹ	2.083.787	1.630.353
- Các khoản phải thu khác	1.900.482	1.419.957
- Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cho vay	183.305	210.406
Đầu tư tài chính dài hạn (xem Thuyết minh số 12)	-	12.374.093
	19.055.933	27.259.389

18. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ được duyệt của Tổng công ty theo quy định tại Nghị định số 148/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ là 50.000 tỷ VND. Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã góp vào Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 21.905.883 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 21.885.913 triệu VND).

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	5.159.942	4.630.043
Doanh thu từ bán các khoản đầu tư	931.736	4.824.961
Doanh thu lãi tiền gửi và lãi đầu tư trái phiếu	1.335.558	1.156.340
Doanh thu khác	9.817	9.244
	7.437.053	10.620.588

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH VỐN

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Giá gốc các khoản đầu tư đã bán	423.924	2.681.529
Chi phí nhân viên	13.348	50.038
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	72.488	(260.702)
Chi phí mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	35.205	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.276	14.266
Các chi phí khác	5.191	4.478
	558.432	2.489.609

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	triệu VND	triệu VND
Chi phí nhân viên quản lý	93.197	60.105
Chi phí công cụ đồ dùng	1.189	2.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.769	4.969
Thuế, phí, và lệ phí	110	126
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.986	49.396
Chi phí khác	68.497	130.286
Trong đó: trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ (xem Thuyết minh số 16)	46.887	102.594
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	631	(1.398)
	215.379	245.545

22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	6.662.856	7.943.739
Thu nhập không chịu thuế	(5.159.942)	(4.630.043)
Chi phí không được khấu trừ	13.115	3.497
Thu nhập chịu thuế	1.516.029	3.317.193
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	303.206	663.439
Thuế thu nhập doanh nghiệp	303.206	663.439

23. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan của Tổng công ty là các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Các công ty con		
Nhận bản giao và góp vốn vào các công ty con	649.815	767.706
Các công ty liên kết		
Nhận bản giao và góp vốn vào các công ty liên kết	281.448	630.310
Các công ty con và công ty liên kết		
Doanh thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	4.994.234	4.505.079

Số dư chủ yếu với các bên liên quan là giá trị đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết tiếp nhận chuyển giao và phải thu cổ tức tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>triệu VND</u>	<u>triệu VND</u>
Đầu tư vào công ty con	2.014.478	2.085.464
Đầu tư vào công ty liên kết	3.520.385	4.674.959
Phải thu cổ tức	1.514.291	96.552

24. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 6 tháng 12 năm 2017 phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 11 năm 2017, Công văn số 13135/VPCP-KHTH ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 11718/BTC-TCDN ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, Tổng công ty sẽ bàn giao Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp về Bộ Tài chính quản lý.

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được Tổng công ty trình bày lại, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số đã trình bày	Số trình bày lại	Chênh lệch
Tài sản				
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	111.641	89.041	(22.600)
Nợ phải trả				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	432.701	432.592	(109)
Vốn chủ sở hữu				
Quỹ đầu tư phát triển	417	15.565.707	15.543.216	(22.491)

Phạm

Nguyễn Thị Phương Thảo
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Vũ Trí Thức

Vũ Trí Thức
Trưởng Ban Tài chính
Kế toán



Nguyễn Quốc Huy
Phó Tổng Giám đốc

THW